TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2023/HSST

Ngày: 13/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Ngọc Liên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Bùi Thị Hạnh**

2. **Bà Lương Thị Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đưa ra xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 241/2022/TL - HSST ngày 30 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc H**; Sinh năm: 1978; ĐKHKTT: Số 36 ngõ Q, phường T, quận H, thành phố H; Nơi ở: Số 36 ngõ 121 K, phường T, quận H, thành phố H; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hữu L và bà Lê Ánh T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: 04 tiền án.

Bản án số: 503/HSST ngày 29/11/2004, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ra trại ngày 28 tháng 4 năm 2005. Nộp án phí HSST ngày 21/1/2005; (Đã xóa án)

Bản án số: 98/HSST ngày 17/03/2006 (Phạm tội ngày 2/12/2005), Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ra trại ngày 25/1/2008. Nộp án phí HSST ngày 21/4/2006; (Đã xóa án)

Bản án số: 284/HSST ngày 28/07/2011 (Phạm tội ngày 26/3/2011), Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ra trại ngày 13 tháng 3 năm 2012. Nộp án phí HSST ngày 28/7/2011; (Đã xóa án)

Bản án số: 143/HSST ngày 23/08/2018 (Phạm tội ngày 13/12/2017), Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ra trại ngày 14 tháng 12 năm 2019. Nộp án phí HSST ngày 29/1/2019; (Đã xóa án)

Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 09/9/2022, bắt khẩn cấp vào ngày 10/9/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội, số giam: 4247B2/B21. *(Có mặt tại phiên tòa).*

2. Họ và tên: **Nguyễn Minh T;** Sinh năm: 1982; ĐKHKTT: Số 51 N, phường Đ, quận H, thành phố H; Nơi ở: Số 5 ngõ 2 L, phường B, quận H, thành phố H; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ (Đã chết); Bị cáo chưa có vợ; Con: Nguyễn Minh Đ – Sinh năm: 2016; Tiền án, tiền sự: 02 tiền án.

Bản án số 349/HSST ngày 28/7/1999 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử 10 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bản án số: 2113/PT ngày 27/10/1999, Tòa án nhân dân Tối cao xử 8 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 29 tháng 12 năm 2005. Nộp án phí ngày 15/5/2000; (Đã xóa án)

Bản án số 217/HSST ngày 18/5/2016 (Phạm tội ngày 2/1/2016): Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án số: 855/PT ngày 15/08/2016, TAND Thành phố Hà Nội xử y án. Ra trại ngày 02 tháng 01 năm 2017, nộp án phí HSST ngày 12/10/2018; (Đã xóa án)

Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 09/9/2022, bị bắt khẩn cấp vào ngày 10/9/ 2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội, số giam: 4246B2/B20. *(Có mặt tại phiên tòa).*

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị N**; Sinh năm: 1964; ĐKHKTT: Số 3 ngách 281/76 T, phường T, quận H, thành phố H; Nơi ở: Số 9 ngõ 729A M, phường T, quận H, thành phố H; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:

Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Công N và bà Bùi Thị N; Họ và tên Chồng: Trần Văn H – Sinh năm: 1960; Bị cáo có 02 con sinh năm 1989 và 1994; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt tại phiên tòa).*

*** Người bị hại:**

Chị Lê Ngọc B; Sinh năm: 2006; Nơi cư trú: Số 119 A, phường P, quận B, thành phố H. *(Xin vắng mặt).*

Chị Lê Thị Vân A; Sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Số 1A ngách 68/16 Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. *(Xin vắng mặt).*

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Thị T, sinh năm 2980, Số 119 A, phường P, quận B, thành phố H. *(Xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị N bị Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có công ăn việc làm ổn định, nên Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Minh T đã thống nhất với nhau đi trộm xe máy điện để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 12h00’ ngày 05/09/2022, H điều khiển xe máy Honda Wave mang BKS: 29D2-413.96 của mình chở T đi lòng vòng trên các tuyến phố, ngõ, ngách mục đích tìm xe máy điện sơ hở để thực hiện hành vi trộm cắp. Khi đến khu vực hẻm 6/12/3 Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, cả hai phát hiện trước cửa nhà số 1 dựng 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Valerio màu đen mang BKS: 29MĐ1-242.xx của chị Lê Ngọc B (SN: 2006; Nơi cư trú: Số 119 A, phường P, quận B, thành phố H). Quan sát thấy không có người trông giữ tài sản, vắng người qua lại. Thấy thuận lợi để thực hiện hành vi trộm cắp, H dừng xe lại để cảnh giới, còn T đi bộ tiến lại gần xe để kiểm tra khóa xe. Thấy xe không khóa cổ, khóa càng, T quay lại thông báo cho H. H để xe Honda Wave cho T ngồi ngoài cảnh giới, để mình vào lấy trộm xe điện. H đi bộ dắt chiếc xe máy điện ra chỗ T. Sau đó, T điều khiển xe Honda Wave BKS: 29D2-413.xx dùng chân đẩy chiếc xe máy điện vừa lấy

được do H cầm lái để tẩu thoát. H và T đẩy chiếc xe điện vừa trộm được đến gặp Nguyễn Thị N tại vỉa hè trước nhà số 42 T, phố H, quận H, thành phố H. Khi gặp N, H chờ ở ngoài, T dắt chiếc xe máy điện trộm được đến gặp chị N trực tiếp thỏa thuận việc mua bán. T: "*Em có con xe, chị xem lấy được bao nhiêu*". Sau khi N kiểm tra qua chiếc xe điện thì thấy không có chìa khóa điện, ắc quy của xe bị hỏng, biết rõ là xe có nguồn gốc do T phạm tội mà có nên N không hỏi về giấy tờ đăng ký xe, mà đồng ý mua lại với giá 5.500.000 (*Năm triệu năm trăm nghìn*) đồng. T nhận tiền từ N, quay lại chỗ H đang chờ chia đều số tiền vừa bán được xe, mỗi người nhận được là 2.750.000 (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng, rồi cả hai rời đi, số tiền trên cả hai tiêu xài hết. Đến trưa ngày 06/09/2022, N đang làm việc tại số nhà 42 T thì gặp một người sửa xe dạo đi qua (Không xác định nhân thân), nên N đã nhờ người này thay ắc quy, làm lại chìa khóa điện của chiếc xe máy điện Valerio mang BKS: 29MĐ1-242.xx mua từ T ngày 05/09/2022, đồng thời N đã tháo biển số của chiếc xe này vứt vào thùng rác công cộng gần đó để phi tang, tránh chủ xe phát hiện. Ngày 09/9/2022, Nguyễn Thị N đã tự nguyện nộp lại chiếc xe điện trên.

Qua đấu tranh mở rộng vụ án, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Minh T khai nhận cùng thực hiện 01 hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy điện khác trên địa bàn phường V, quận B, thành phố H và bán cho Nguyễn Thị N để tiêu thụ, cụ thể như sau:

Vào trưa ngày 08/08/2022, H điều khiển xe máy Honda Wave mang BKS 29D2-413xx chở T, đi loanh quanh trên các tuyến phố tìm xe sơ hở để trộm cắp. Khoảng 15h cùng ngày, cả hai phát hiện trước cửa nhà số 19 ngõ 6 Đ, phường V, quận B, thành phố H có dựng 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Osakar Gogo màu trắng đen, không gắn biển số của chị Lê Thị Vân A (Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số 1A ngách 68/16 Đ, phường Đ, quận B, thành phố H). Quan sát thấy không có người trông giữ, H dừng xe cách đó 1 đoạn, để T xuống kiểm tra trước xem xe có bị khóa không. Sau khi T kiểm tra thấy xe không khóa thì quay lại chỗ H đứng. H giao xe Honda wave để T đứng ngoài cảnh giới, còn H đi bộ đến dắt trộm chiếc điện đi đến vị trí T chờ. Sau đó, H ngồi lên chiếc xe điện vừa lấy trộm được để T điều khiển xe Honda wave và dùng chân đẩy chiếc xe đi tiêu thụ, H và T đưa đến bán cho Nguyễn Thị N tại vỉa hè trước số nhà 42 T, phố H, quận H, thành phố H. Khi gặp N, T dắt

chiếc xe này vào bán cho N, do T quen biết chị N từ trước nên khi kiểm tra thấy xe không có chìa khóa điện, không có biển số, thì N biết xe này do T trộm cắp mà có nên N đồng ý mua lại với số tiền 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng. T nhận tiền từ N rồi chia đều cho H, mỗi người nhận được 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng, tiêu xài hết. Đến chiều cùng ngày, có một người phụ nữ (Không xác định nhân thân lai lịch) đến gặp N, mua lại chiếc xe máy điện trên với giá 3.200.000 (*Ba triệu hai trăm nghìn*) đồng, N thu lời 200.000 đồng.

*** Kết luận định giá số của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS của UBND quận Ba Đình:**

- Chiếc xe máy điện nhãn hiệu Osakar Gogo màu trắng đen, không gắn biển số, số khung: RMPY8EKGNKVU14750, số động cơ: JZ60V800W1906014750NP của chị Lê Thị Vân A trị giá 6.000.000 đồng.

- Chiếc xe máy điện nhãn hiệu Anbico Valerio màu đen không gắn biển số, khung: 8K00967, số máy: 800WANK00234 của chị Lê Ngọc B trị giá 8.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị N thành khẩn khai nhận hành vi của mình như nêu ở trên. N khai nhận khi nhìn thấy cả 2 chiếc xe đều được T điều khiển xe máy dùng chân đẩy đến bán cho N thì N đều biết là những chiếc xe mà H và T trộm cắp được mà có. Việc mua bán xe không hứa hẹn, bàn bạc từ trước.

*** Vật chứng thu giữ được:**

Thu giữ từ bị cáo Nguyễn Ngọc H: 01 (Một) xe máy nhãn hiệu HonDa Wave màu đỏ mang BKS 29D2-413.xx, số khung: 370418, số máy: 1238132 (Đã qua sử dụng). 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 màu xanh, có số Imei 1: 867143964587918, Imei 2: 867143064587900 (Đã qua sử dụng).

Thu giữ của Nguyễn Thị N: 01 (Một) xe máy điện nhãn hiệu Anbico Valerio màu đen không gắn biển số, số khung: 8k00967, số máy: 800WANK00234 (Đã qua sử dụng).

Thu giữ nội dung video camera tại khu vực hẻm 6/12/3 Đ, phường V, quận B, thành phố H, ghi lại hình ảnh H và T dắt trộm chiếc xe máy điện màu đen; Nội dung video camera tại khu vực ngõ 6 Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, ghi lại hình ảnh H và T lấy trộm chiếc xe máy điện màu trắng đen trước nhà số 19.

*** Vật chứng chưa thu giữ được:**

-01 (Một) xe máy điện nhãn hiệu: Osakar Gogo màu trắng đen, không gắn biển số, số khung: RMPY8EKGNKVU14750, số máy: JZ60V800W1906014750NP (Đã qua sử dụng). Đây là tài sản H và T trộm cắp và tiêu thụ cho N ngày 08/08/2022.

-01 (Một) biển kiểm soát 29MĐ1-242.65.

Đối với 01(Một) xe máy điện nhãn hiệu Anbico Valerio màu đen không gắn biển số, số khung: 8K00967, số máy: 800WANK00234 (Đã qua sử dụng), qua xác minh chiếc xe mang tên chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị T (Sinh năm 1980; HKTT: Số 119 A, phường P, quận B, thành phố H) – là mẹ đẻ của Lê Ngọc B. Tại cơ quan điều tra, bà T trình bày: Bà T mua chiếc xe trên từ năm 2020 sau đó để lại cho B làm phương tiện đi học hàng ngày. Cơ quan CSĐT- Công an quận Ba Đình ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe trên cho bị hại Lê Ngọc B. Chị B đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có đề nghị khác về dân sự.

Đối với chiếc xe máy điện nhãn hiệu Osakar Gogo màu trắng đen, không gắn biển số, số khung: RMPY8EKGNKVU14750, số máy: JZ60V800W1906014750NP không thu hồi được, người bị hại Lê Thị Vân A có đề nghị được bồi thường số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Đối với số tiền 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) bỏ ra để tiêu thụ chiếc xe máy điện nhãn hiệu Anbico Valerio màu đen mang BKS: 29MĐ1-242.xx đã bị Cơ quan Công an thu giữ, Nguyễn Thị N không đề nghị bồi thường về dân sự.

Đối với chiếc xe máy HonDa Wave màu đỏ mang BKS 29D2-413.xx thu giữ của H, qua xác minh là tài sản đăng ký chính chủ của Nguyễn Ngọc H. H sử dụng làm phương tiện để chở T thực hiện hành vi phạm tội.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người chứng kiến, vật chứng thu giữ, hiện trường vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Cáo trạng số: 01/CT - VKS ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội truy tố: Bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Minh T về tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015; Truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm vụ án và đưa ra những chứng cứ, lý lẽ luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H và bị cáo Nguyễn Minh T về hành vi phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015; Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị N về hành vi phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015.

Nhân thân bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Minh T có nhiều tiền án, phạm tội nhiều lần, do vậy phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tự thú về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng điểm s,r khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đề nghị về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 47; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức án từ 18 tháng tù 24 tháng tù.

Nhân thân bị cáo Nguyễn Thị N không có tiền án tiền sự, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51Bộ Luật hình sự năm 2015.

Đề nghị về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 47; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 08 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe máy HonDa Wave màu đỏ mang BKS 29D2-413.xx thu giữ của H, qua xác minh là tài sản đăng ký chính chủ của Nguyễn Ngọc H. H sử dụng làm phương tiện để chở T thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 màu xanh, có số Imei 1: 867143964587918, Imei 2: 867143064587900 (Đã qua sử dụng) không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo Nguyễn Ngọc H. Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Cơ quan thi hành án dân sự quận Ba Đình theo biên bản bàn giao vật chứng số: 42 ngày 08/12/2022 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ba Đình.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Minh T phải liên đới bồi thường số tiền 6.000.000 đồng cho người bị hại Lê Thị Vân A. (Mỗi bị cáo phải bồi thường 3.000.000 đồng). Truy thu số tiền 5.500.000 đồng thu lời bất chính của Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Minh T. Mỗi bị cáo 2.750.000 đồng. Truy thu số tiền 200.000 đồng thu lời bất chính của bị cáo Nguyễn Thị N để nộp Ngân sách Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội, các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố không có tranh luận gì.

Nội dung lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, về thủ tục quy định của bộ Luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ diễn biến vụ án đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng trưa ngày 08/8/2022 tại khu vực trước cửa nhà số 19 ngõ 6 Đ, phường V, quận B, thành phố H, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Minh T có hành vi trộm cắp xe máy điện nhãn hiệu Osakar Gogo màu trắng đen, không gắn biển số của chị Lê Thị Vân A có giá 6.000.000 đồng và mang đến bán cho Nguyễn Thị N với giá 3.000.000 đồng. Khoảng 12 giờ ngày 05/9/2022 tại khu vực hẻm 6/12/3 Đ, phường V, quận B, thành phố H, cả hai phát hiện trước cửa nhà số 1 hẻm 6/12/3 Đ, phường V, quận B, thành phố H một chiếc xe máy điện nhãn hiệu Valerio màu đen mang BKS: 29MĐ1-242.xx, của chị Lê Ngọc B trị giá 8.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Minh T đã có hành vi trộm cắp và mang đến bán cho Nguyễn Thị N với giá 5.500.000 đồng. Nguyễn Thị N biết xe máy do Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Minh T trộm cắp nhưng vẫn giúp H và T tiêu thụ 02 chiếc xe máy điện, thu lợi bất chính 200.000 đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H và bị cáo Nguyễn Minh T về hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về hành vi phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Thông qua diễn biến vụ án và quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa cho thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an toàn và trật tự công cộng được luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Minh T có nhiều tiền án thể hiện bị cáo là đối tượng đã được Nhà nước giáo dục cải tạo nhưng vẫn không chịu tu dưỡng rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Các bị cáo bị tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tự thú về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng điểm s,r khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Xét nhân thân bị cáo Nguyễn Thị N không có tiền án tiền sự, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú về hành vi phạm tội của mình, vì vậy cần thiết áp dụng các điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo bị tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội để thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước.

[3] Xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe máy HonDa Wave màu đỏ mang BKS 29D2-413.xx thu giữ của H, qua xác minh là tài sản đăng ký chính chủ của Nguyễn Ngọc H. H sử dụng làm phương tiện để chở T thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 màu xanh, có số Imei 1: 867143964587918, Imei 2: 867143064587900 (đã qua sử dụng) không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo Nguyễn Ngọc H. Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Cơ quan thi hành án dân sự quận Ba Đình theo biên bản bàn giao vật chứng số: 42 ngày 08/12/2022 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ba Đình.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Lê Thị Vân A đề nghị các bị cáo bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Minh T phải liên đới bồi thường số tiền 6.000.000 đồng cho người bị hại Lê Thị Vân A. (Mỗi bị cáo phải bồi thường 3.000.000 đồng)

Truy thu số tiền 5.500.000 đồng thu lời bất chính (Mỗi bị cáo 2.750.000 đồng) tiền bán xe máy cho bị cáo N. Truy thu số tiền 200.000 đồng thu lời bất chính của bị cáo Nguyễn Thị N để nộp Ngân sách Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo H, T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ, nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 47; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015; Các Điều 106; 136; 331; 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H, bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H **24** (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/9/2022.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T **24** (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ 09/9/2022.

3.Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 47; điểm s,r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ Luật hình sự 2015; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Các Điều 106; 136; 331; 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

4. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị N 09 (**Chín**)** tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N về Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe máy HonDa Wave màu đỏ mang BKS 29D2-413.xx mang tênNguyễn Ngọc H; Trả lại bị cáo Nguyễn Ngọc H 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 màu xanh, có số Imei 1: 867143964587918, Imei 2: 867143064587900 (đã qua sử dụng). Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Cơ quan thi hành án dân sự quận Ba Đình theo biên bản bàn giao vật chứng số: 42 ngày 08/12/2022 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ba Đình.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc H, bị cáo Nguyễn Minh T phải liên đới bồi thường số tiền 6.000.000 đồng cho người bị hại Lê Thị Vân A. (Mỗi bị cáo phải bồi thường 3.000.000 đồng)

Truy thu số tiền 5.500.000 đồng thu lời bất chính của bị cáo Nguyễn Ngọc H, bị cáo Nguyễn Minh T. Truy thu mỗi bị cáo 2.750.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước. Truy thu số tiền 200.000 đồng thu lời bất chính của bị cáo Nguyễn Thị N để nộp Ngân sách Nhà nước.

Án phí HSST: Bị cáo Nguyễn Ngọc H, Bị cáo Nguyễn Minh T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sư sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Trại tạm giam số 1 Công an TP Hà Nội;*
- *Công an quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;*
-*UBND phường T, quận H, thành phố H;*
-*UBND phường B, quận H, thành phố H.*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Đinh Ngọc Liên